

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2020

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bé Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Vụ
2. Ông Nguyễn Văn Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tân – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc " **Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lục Thị L - sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ A (tổ B cũ), phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa

- *Bị đơn:* Nguyễn Thanh Y- sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ A (tổ B cũ), phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Hiện nay đang thụ hình án tại Đội 2H, phân trại M, trại giam T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2020, bản tự khai ngày 21/5/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Lục Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh Y kết hôn ngày 14/6/2013 trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị lao động tự do tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Quá trình mâu thuẫn có xảy ra cãi vã, to tiếng tuy nhiên không xảy ra xô sát, gây thương tích gì. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và bản thân hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mặt khác, anh Y có hành vi buôn bán trái phép chất ma túy và bị bắt giam, hiện nay đang thụ hình án tại Đội H, phân trại M, trại giam T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa với mức án là tù chung thân. Chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Y.

- Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lục Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Thanh Y trại giam T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/6/2020 tại, anh Y trình bày như sau:

Về thời gian, điều kiện kết hôn với chị Lục Thị L, anh Y xác nhận như chị L trình bày là đúng.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Theo anh Y, cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Năm 2015, anh Y có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình tuyên xử mức án tù chung thân. Từ tháng 10 năm 2017 đến nay, anh Y đến chấp hành án tại trại giam T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Đối với yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh, anh không nhất trí.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh Y trình bày vợ chồng có tài sản chung và nợ chung, yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng nhận được đơn trình bày của anh Y đề ngày 20/6/2020, tuy nhiên đơn không có xác nhận của trại giam nơi anh Y đang thụ hình án.

Ngày 04/8/2020, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng quyết định đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 141/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020.

Ngày 05/8/2020, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng có công văn số 314/CV-TA gửi anh Nguyễn Thanh Y yêu cầu anh Y sửa đổi bổ sung đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng (kê khai đầy đủ các loại tài sản có yêu cầu chia, cung cấp giấy tờ chứng minh tài sản chung của vợ chồng, cung cấp họ tên, địa chỉ của những người có liên quan đến vụ án...) để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án.

Tại Biên bản giao nhận ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa xác nhận anh Y đã nhận được Quyết định xét xử số 141/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Công văn số 314/CV-TA ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng. Tuy nhiên, đến nay Tòa án

nhân dân thành phố Cao Bằng vẫn không nhận được phản hồi lại từ phía anh Y, nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị L. Việc vắng mặt của anh Y tại phiên tòa là do điều kiện khách quan, bởi lẽ anh Y đang thụ hình án với mức án tù chung thân, việc tổng đạt văn bản về ly hôn anh Y đã biết và đã thể hiện rõ ý kiến trong biên bản lấy lời khai ngày 18/ 6/ 2020. Xét thấy, việc Tòa án đã thực hiện tổng đạt là đầy đủ nên cần đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56- Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lục Thị L. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Đề nghị giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu và nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh đầy đủ.

Về án phí: Chị Lục Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lục Thị L kết hôn với anh Nguyễn Thanh Y, địa chỉ: Tổ A (tổ B cũ), phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/2013 ngày 14/6/2013 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Nay, chị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Y, nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị L và anh Nguyễn Thanh Y có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng vào ngày 14/6/2013 trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Y là hợp pháp.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Theo lời khai của chị L quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và anh Y ham chơi cờ bạc dẫn đến việc nợ nần, chị đã trả nợ cho anh Y nhưng anh Y không từ bỏ việc chơi cờ bạc. Năm 2015 anh Y bị bắt về hành vi buôn bán trái phép

chất ma túy, bị Tòa án nhân dân Tỉnh Hòa Bình xử phạt tù chung thân. Hiện nay đang thụ hình án tại Đội H, phân trại M, trại giam T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Theo các tài liệu chứng cứ chị L nộp cho Tòa án (Bản sao có chứng thực Sở thăm gặp phạm nhân và gửi tiền lưu ký cấp ngày 14/9/2018) và tại biên bản ghi lời khai của anh Y ngày 18/6/2020 anh Y xác nhận bản thân anh Y có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình tuyên xử mức án tù chung thân. Từ tháng 10 năm 2017 đến nay, anh Y đến chấp hành án tại trại giam T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Mặc dù, anh Y không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L song thực tế hiện nay anh Y vẫn phải đang tập trung cải tạo tại trại giam T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa với mức án là tù chung thân và phía chị L cương quyết xin được ly hôn với anh, không đồng ý đoàn tụ.

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Y, đảm bảo quyền lợi của bị đơn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc tổng đạt cho bị đơn như vậy là đúng và đầy đủ, anh Y không nhất trí ly hôn và cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng toà án vẫn xét xử.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị L và anh Y đã không đạt được, anh Y phải thụ hình án còn dài, vợ chồng không có sự quan tâm, yêu thương chia sẻ trong cuộc sống nên cần giải quyết cho chị Lục Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Y là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Nguyên đơn chị Lục Thị L và bị đơn anh Nguyễn Thanh Y cùng xác nhận vợ chồng không có con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết về vấn đề con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo lời khai của chị Lục Thị L, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, phía anh Y có lời khai và đơn trình bày thể hiện vợ chồng có tài sản chung và nợ chung, yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng anh Y không cung cấp đầy đủ cho Tòa án các loại tài sản có yêu cầu chia, các giấy tờ chứng minh tài sản chung, nợ chung của vợ chồng và họ tên, địa chỉ của những người có liên quan cũng như việc nộp tạm ứng án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX không có căn cứ để xem xét, giải quyết. Do vậy, Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu và nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh đầy đủ.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Lục Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Y.

2. *Về con chung*: không có.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu của đương sự.

4. *Về án phí*: Chị Lục Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sung công quỹ Nhà nước; nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000720 ngày 20/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CB;
- VKSND TPCB;
- THADS TPCB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bế Lan Phương